

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 9 - 2022.

V/v: “ *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản chung khi ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Ông Nguyễn Tấn Bốn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/9/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị K, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn B, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Xóm Nước N, thôn 2, xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị K và anh B đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 18 / 4 /2022, bản trình bày ngày 11/5/2022, biên bản hòa giải ngày 12/9/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị K trình bày:*

Chị và anh Phạm Văn B tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/ 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T (Nay là UBND xã Nghĩa T), huyện Tư N. Sau khi kết hôn trong quá trình chung sống vợ chồng sống rất hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân anh B có hành động

bạo lực gia đình, đánh đập chị, phía gia đình đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh B không chịu sửa chữa bản thân, vẫn không quan tâm chăm lo cho gia đình, anh B vẫn còn lớn tiếng đe dọa đối với chị.

Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn B.

- Về con chung: Chị K trình bày có 01 con chung tên Phạm Thị Bích H, sinh ngày 02/01/2012. Khi ly hôn chị K yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị K trình bày vợ chồng có các tài sản chung gồm:

+ 01 ngôi nhà cấp IV, diện tích xây dựng 100m² xây dựng trên thửa đất số 48, tờ bản đồ số 3 tại xã Nghĩa T (nay là xã Nghĩa T), huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi trị giá 110.000.000 đồng.

+ 01 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1123, tờ bản đồ số 3, diện tích 5227m², tại thôn 1, xã Nghĩa T (nay là xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 100.000.000 đồng.

Khi ly hôn: Chị K yêu cầu nhận sở hữu, quản lý, sử dụng ngôi nhà cấp 4 và thửa đất số 1123. Chị K thôi lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho anh B là 105.000.000 đồng.

Ngày 01/9/2022 chị K có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Theo bản trình bày ngày 12/5/2022, biên bản hòa giải ngày 12 /9/2022 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Phạm Văn B trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị K về quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng, anh và chị K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T (Nay là UBND xã Nghĩa T), huyện Tư N. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau, anh đồng ý có vài lần dùng tay tát chị K nhưng không gây thương tích và có dùng lời lẽ xúc phạm gia đình chị K. Vợ chồng hiện nay phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị K, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con. Do đó anh không đồng ý ly hôn chị K.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Bích H, sinh ngày 02/01/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh đồng ý giao con cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Đối với nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và Bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện và đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung của chị Phạm Thị K. Chị K phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện ngày 18 / 4 /2022 của chị Phạm Thị K tài sản của vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp IV xây dựng trên thửa đất số 1123, tờ bản đồ số 3 đứng tên ông Phạm Đ (đã chết) và bà Phạm Thị L cha mẹ ruột chị K. Ngày 16/6/2022 Tòa án có Thông báo số: 155/TB-TA về việc: “bổ sung người tham gia tố tụng” và xác định bà Phạm Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà L không yêu cầu chị K, anh B trả lại diện tích đất mà bà cho chị K, anh B xây dựng nhà. Đến ngày 01/9/2022 chị K có đơn rút phần chia tài sản chung, anh B không có ý kiến. Do đó Hội đồng xét xử xác định không đưa bà Phạm Thị L tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2.3] Về sự vắng mặt bị đơn: Ngày 27/9/2022 chị Phạm Thị Kh có đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 30/9/2022 anh Phạm Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh B, chị K.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị K và anh Phạm Văn B có đăng ký kết hôn vào ngày 31/10/ 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa T (Nay là UBND xã Nghĩa T). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ được quy định tại các Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo lời trình bày của chị K lúc đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc. Nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh B có hành động bạo lực gia đình, đánh đập chị, phía gia đình đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh B không chịu sửa chữa bản thân, vẫn không quan tâm chăm lo cho gia đình, anh B vẫn còn lớn tiếng đe dọa đối với chị nguyên nhân mâu thuẫn thường xuyên cãi vã, không hợp bất đồng quan điểm sống, hiện nay anh chị sống ly thân, không quan tâm lẫn nhau. Nay chị xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn B.

[2.3] Theo lời trình bày của anh B: Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống với nhau, anh đồng ý có vài lần dùng tay tát chị K nhưng không gây thương tích và có dùng lời lẽ xúc phạm gia đình chị K. Vợ chồng hiện nay phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên anh vẫn còn tình cảm với chị K, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ nhưng anh và chị không làm được. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B đánh đập, xúc phạm chị và gia đình. Từ đó vợ chồng dẫn đến tình cảm không tiến triển mà còn trở nên trầm trọng. Từ đó vợ chồng không quan tâm lẫn nhau, hiện nay anh chị sống ly thân không còn tình cảm quan hệ vợ chồng, không quan tâm lẫn nhau. Xét tình cảm vợ chồng đã rạn nứt, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng chỉ là ràng buộc. Do đó, để giải phóng cho đôi bên có cuộc sống riêng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị K được ly hôn anh Phạm Văn B.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Thị Bích H, sinh ngày 02/01/2012. Xét nguyện vọng của cháu H và yêu cầu của chị K, giao cháu Phạm Thị Bích H cho chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chấp nhận yêu cầu của chị K không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị K trình bày vợ chồng có các tài sản chung gồm:

+ 01 ngôi nhà cấp IV, diện tích xây dựng 100m² xây dựng trên thửa đất số 48, tờ bản đồ số 3 tại xã Nghĩa T (nay là xã Nghĩa T), huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi, đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Phạm Đ và bà Phạm Thị L (cha mẹ ruột chị K) trị giá 110.000.000 đồng. Chị K thôi lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho anh B là 55.000.000 đồng.

+ 01 quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1123, tờ bản đồ số 3, diện tích 5227m², tại thôn 1, xã Nghĩa T (nay là xã Nghĩa T, huyện Tư N, tỉnh Quảng Ngãi, có giá trị 100.000.000 đồng. Chị K thôi lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho anh B là 50.000.000 đồng.

Ngày 01/9/2022 chị K có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về phần chia tài sản chung. Chị và anh B đã tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 3 Điều 218 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Đình chỉ giải quyết đối với phần tài sản chung giữa chị Phạm Thị K và anh Phạm Văn B.

Hậu quả của việc đình chỉ: Nếu sau này xét thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm thì chị Phạm Thị K và anh Phạm Văn B có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Phạm Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung cho chị K.

[8] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc số tiền 6.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng. Chị K phải chịu, chị K tạm ứng trước số tiền trên và đã chi xong.

[9] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 157, Điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 3 Điều 218, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị K được ly hôn anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu tên Phạm Thị Bích H, sinh ngày 02/01/2012 cho chị Phạm Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H, anh phạm Văn B không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với phần tài sản chung giữa chị Phạm Thị K và anh Phạm Văn B.

Hậu quả của việc đình chỉ: Nếu sau này xét thấy quyền lợi của mình bị xâm phạm thì chị Phạm Thị K và anh Phạm Văn B có quyền khởi kiện lại bằng một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Phạm Thị K phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ số tiền 2.925.000 đồng (Hai triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng) chị K đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002109 ngày 25/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại tiền tạm ứng chia tài sản cho chị Phạm Thị K số tiền 2.625.000 đồng theo biên lai nêu trên.

6. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.000.000 đồng, chi phí đo đạc số tiền 6.000.000 đồng, chi phí định giá tài sản số tiền 2.000.000 đồng. Chị K phải chịu, chị Khuyên đã nộp và đã chi phí xong.

7. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Ngọc Thông

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ